

Bản án số: 175/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 11 - 2021

“V/v: *Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần hội đồng Xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Văn Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Đồi.

2. Ông Lý Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*N đơn:* Bà Phạm Diệu E, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình T, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Q, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp B, xã Bình T, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Q, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà E xin vắng mặt; Ông H vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn ngày 04 tháng 01 năm 2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa N đơn bà Phạm Diệu E trình bày: Bà Phạm Diệu E và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2006 có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn F, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ngày 15 tháng 7 năm 2006. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau. Nay Bà E xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà E khai, Bà E và ông H chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1999 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2005. Khi ly hôn, con chung tên T đã trưởng thành nên bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà E xin được quyền nuôi con tên N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà E khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà E khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của ông Nguyễn Văn H ngày 01 tháng 02 năm 2021: Ông H xác định lời trình bày của bà E về thời gian điều kiện kết hôn, N nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung giữa ông H và bà E theo bà E trình bày là đúng. Nếu tòa án có căn cứ cho ly hôn,

Về con chung tên T đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con chung tên N theo ai thì người đó nuôi, không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Văn H có đăng ký tạm trú tại ấp Q, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã H ngày 05 tháng 01 năm 2021) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] N đơn bà Phạm Diệu E xin vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Bà E và ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Diệu E và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2006 có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn F, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ngày 15 tháng 7 năm 2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà E và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà E và ông H chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau. Nay bà E xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên tha thiết xin được ly hôn với ông H.

Ngược lại, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hàn gắn nào được bà E chấp nhận và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa để thể hiện ý chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà E và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà E yêu cầu được ly hôn với ông H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà E và ông H thống nhất khai, bà E và ông H chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1999 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2005. Nếu tòa án có căn cứ cho ly hôn, bà E và ông H thống nhất con chung tên T đã trưởng thành nên bà E và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên N theo ai thì người đó nuôi, không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cháu N đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với bà E. Xét sự thỏa thuận giữa bà E và ông H là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà E và ông H thống nhất khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà E và ông H thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Buộc bà Phạm Diệu E pH chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Diệu E xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Diệu E được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung:

+ Nguyễn Trung T, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1999 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

+ Bà Phạm Diệu E được quyền nuôi con chung con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2005. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà E không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu N mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Bà E có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H theo quy định của pháp luật. Bà E cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông H.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông H, bà E, người thân thích của cháu N, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà E và ông H thống nhất khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

- Về nợ chung: Bà E và ông H thống nhất khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

- Về án phí: Bà Phạm Diệu phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà E đã nộp theo biên lai số 7395 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND thị trấn F,  
tỉnh Đồng Tháp
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Hiệp**